

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2024

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Nguyễn Tấn Thức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, tp . xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 337/2023/TLST-HNGĐ về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182 /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Chiêu H, sinh năm 1988. Địa chỉ: số B T, tổ A, H, quận C, Đà Nẵng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Bá T, sinh năm: 1989. Địa chỉ: K T, tổ A, phường H, quận C, tp . Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Thị Chiêu H trình bày:

Ông Đặng Bá T và bà Thái Thị Chiêu H kết hôn vào năm 2014, có Giấy đăng ký kết hôn số 84/2014, quyền số 01/2013 ngày 28/8/2014 do UBND phường H, quận C, tp . cấp. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: tổ A, phường H, quận C, tp . Trong quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay. Hiện nay, bà Thái Thị Chiêu H và con chung là cháu Thanh T1 không còn chung sống với ông T nữa, bà H đang sinh sống tại địa chỉ số B tôn Đ, tổ A, phường H, quận C, tp Đà Nẵng. Bà H nhận thấy rằng quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm phai nhạt nên gia đình không hạnh phúc. Nay bà xác định

mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông **Đặng Bá T**.

Về con chung: bà **Thái Thị Chiêu H** xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu **Đặng Thị Thanh T2**, sinh ngày: 19/3/2015. Ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T2** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không nợ ai và không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn - ông **Đặng Bá T** trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà **H** về thời gian kết hôn, chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có cãi vã nhau. Ông **T3** thống nhất ly hôn với bà **Thái Thị Chiêu H** và đồng ý giao cháu **T2** cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu **T2** đủ 18 tuổi. Ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Đặng Bá T**, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

Bị đơn Ông **Đặng Bá T** có địa chỉ tại **K T, tổ A, phường H, quận C, tp ..**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Ông **Đặng Bá T** và bà **Thái Thị Chiêu H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Đặng Bá T** và bà **Thái Thị Chiêu H** tự nguyện kết hôn năm 2014, có Giấy đăng ký kết hôn số 84/2014, quyển số 01/2013 ngày 28/8/2014 do **UBND phường H, quận C, tp .** cấp . Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại **K235/H20/7 T, tổ A, phường H, quận C, tp .** Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà **Thái Thị Chiêu H**, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không tìm được tiếng nói chung, thường hay cãi vã và xô xát. Hiện nay, ông bà đã không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Đặng Bá T** và bà **Thái Thị Chiêu H** xác định không còn tình cảm với nhau nữa và đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà cũng thống nhất ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Thái Thị Chiêu H** đối với ông **Đặng Bá T**.

[4] Về con chung và cấp dưỡng: ông **Đặng Bá T** và bà **Thái Thị Chiêu H** có 01 con chung là cháu **Đặng Thị Thanh T2**, sinh ngày: 19/3/2015. Ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T2** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông **T** đồng ý với yêu cầu của bà **H**. Do đó, HĐXX chấp nhận, giao cháu **Đặng Thị Thanh T2**, sinh ngày: 19/3/2015 cho bà **Thái Thị Chiêu H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông **Đặng Bá T** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà **Thái Thị Chiêu H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Thái Thị Chiêu H** đối với ông **Đặng Bá T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Thái Thị Chiêu H** được ly hôn với ông **Đặng Bá T**

2. Về con chung: Giao cháu **Đặng Thị Thanh T2**, sinh ngày: 19/3/2015 cho bà **Thái Thị Chiêu H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông **Đặng Bá T** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà **Thái Thị Chiêu H** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001900 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà **Thái Thị Chiêu H** đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Thức

Trần Đức Hiếu

Nguyễn Hữu Hưng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu TA, VP, HS.

Nguyễn Hữu Hưng